

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên dần.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biên đổi chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên nhanh; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 06/9 ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 25-60cm, xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 20-60cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên nhanh theo triều, mực nước cao nhất ngày 07/9 thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-45cm; mực nước thấp cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 15-25cm, xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 20-35cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên dần, biên độ nước lên từ 05-10cm so với ngày trước; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 07/9 ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-15cm, xấp xỉ và thấp hơn từ 05-40cm so với TBNN. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, mực nước cao nhất và thấp nhất đều cao hơn từ 65-75cm so với cùng kỳ năm 2024, thấp hơn khoảng 50cm so với TBNN.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước dao động theo xu thế triều biển Tây, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 07/9 hầu hết ở mức xấp xỉ cùng kỳ năm 2024 và TBNN.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lượng nước lũ sông Mekong truyền về nên mực nước trên các sông, kênh lên nhanh trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước cao nhất và thấp nhất lên nhanh đạt đỉnh triều từ ngày 10-11/9, sau đó mực nước xuống chậm.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên dần trong những ngày tới; trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, biên độ nước lên trung bình từ 05-07cm/ngày.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé có xu thế lên theo triều biển Tây đến ngày 10/9, sau đó xuống dần.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn, triều cường, nước dâng; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 09/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 07/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			08/9	09/9	10/9	11/9	12/9	08/9	09/9	10/9	11/9	12/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	258	61	-57	300	58	-31	308	316	322	326	327	267	281	293	303	311
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	156	24	-22	247	37	26	257	265	271	274	274	167	181	193	201	207
Hậu	Khánh An	420	470	520	391	56	0	400	59	10	408	416	424	430	434	400	409	417	425	429
	Châu Đốc	300	350	400	206	30	-59	262	25	-23	271	279	285	289	290	216	230	242	252	260
	Long Xuyên	190	220	250	108	15	-1	229	16	45	243	252	257	260	257	120	134	146	154	160
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	164	25	-37	249	32	12	258	266	272	275	275	175	189	201	209	215
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	188	66	-51	199	75	-51	208	216	224	232	238	200	209	217	225	233
	Vinh Gia	200	240	280	78	6	-44	90	16	-48	92	94	97	100	104	86	88	91	94	98
	Vinh Điều	170	200	230	67	1	-3	84	12	-1	85	87	89	92	95	73	77	81	85	88
T3	Vinh Phú	150	180	210	66	-8	-9	80	2	0	81	83	85	88	91	72	76	78	81	84
T5	Nông Trường	160	190	220	75	-4	-6	86	3	-1	87	89	91	94	97	81	85	87	90	93
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	120	10	-42	127	13	-39	129	132	135	139	144	123	126	129	133	138
	Cô Tô	140	180	220	116	3	-7	120	3	-7	122	124	126	129	132	118	120	122	125	128
	Nam Thái Sơn	90	120	150	74	-9	-	82	-4	-	83	84	86	88	91	77	79	81	83	86
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	79	4	-46	86	8	-47	88	90	93	96	100	84	86	88	91	95
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	126	4	-2	140	9	12	143	146	149	154	159	130	134	138	144	150
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	168	21	-11	188	20	-3	192	196	201	206	212	174	178	182	188	194
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	109	0	-21	139	11	0	141	144	147	152	157	115	118	122	128	134
	Tân Thành	120	150	180	88	-9	4	104	-1	11	105	107	109	111	113	94	96	98	100	102
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	71	-6	8	83	-2	13	84	86	87	88	90	76	78	80	82	84
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-2	-7	5	57	1	4	58	59	61	59	58	-5	-4	-1	3	10
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-14	-3	5	62	1	5	68	76	82	82	78	-19	-27	-33	-31	-27

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





